

Bản án số: 123/2026/HS-ST  
Ngày 01-7-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Nhạn;

- Bà Phạm Thị Vĩnh .

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2026/TLST- HS ngày 09 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Tuấn D, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1978 tại Hải Phòng, căn cước công dân số: 031078007088; nơi cư trú: Thôn C, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn M và bà Trần Thị L (đều đã chết); có vợ là Lương Thị H và 2 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo D 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo D đang trong thời gian hoãn chấp hành án với lý do bệnh nặng (nên chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 07/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú do mắc bệnh suy thận nặng; có mặt.

2. Đặng Hữu T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1997 tại Hải Phòng, căn cước công dân số: 031097002673; nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 31/12/2025 đến ngày 06/01/2026 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Bùi Văn M1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1986 tại Hải Phòng, căn cước công dân số: 031086001406; nơi cư trú: Thôn K, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức T1, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị S1, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị L1 và có 03 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 42/2021/HSST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, thi hành xong án phí ngày 23/02/2022 (nên đã được xóa án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 31/12/2025, đến ngày 06/01/2026 chuyển tạm giam; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 31/12/2025, tại khu vực chợ K3 thuộc thôn T, xã A, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H bắt quả tang Đặng Hữu T đang cất giữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong lòng bàn tay trái của T: 01 túi nilon màu trắng kích thước 3x2,5cm chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại OPPO màu xanh; 01 xe mô tô Honda SH màu trắng, biển kiểm soát (BKS)15B3-678.40. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy đá trước đó mua của Đỗ Tuấn D với giá 1.950.000 đồng với mục đích sử dụng. Ngay sau đó trên trục đường tỉnh lộ 362 thuộc thôn C, xã A, Cơ quan Công an tiếp tục bắt quả tang Bùi Văn M1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ phía sau ốp điện thoại của M1 01 túi nilon kích thước 1,8x2,5cm chứa tinh thể màu trắng (mẫu QT), 01 điện thoại OPPO màu xanh, 01 xe mô tô Yamaha Jupiter màu xanh, BKS 15C1-096.71; M1 khai nhận túi tinh thể màu trắng là ma túy đá, trước đó mua của Đỗ Tuấn D với giá 500.000 đồng với mục đích sử dụng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 không thu giữ đồ vật gì liên quan đến ma túy.

Ngày 01/01/2026, Đỗ Tuấn D bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp. Khám xét chỗ ở của D: Bị cáo giao nộp 09 túi nilon màu trắng đều chứa tinh thể màu trắng (mẫu KX01); số tiền 10.440.000 đồng (mẫu KX02); thu giữ tại cánh tủ lạnh 10 túi nilon màu trắng đều chứa tinh thể màu trắng (mẫu KX03); 01 điện thoại Viettel màu xanh (mẫu KX04), 01 điện thoại OPPO A17K màu vàng (mẫu KX05).

Kết luận giám định số 03/KL-KTHS ngày 05/01/2026 của Phòng K4 Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể thu giữ của Đặng Hữu T là ma túy, khối lượng 1,72 gam, loại Methamphetamine. Mẫu nước tiểu của Đặng Hữu T tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 04/KL-KTHS ngày 02/01/2026 của Phòng K4 Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu QT gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,34 gam, loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng của mẫu KX01 là ma túy, khối lượng 1,56 gam, loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng của mẫu KX03 là ma túy, khối lượng 7,58 gam, loại Methamphetamine. Mẫu nước tiểu của Bùi Văn M1 tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine.

Kết quả xét nghiệm máu của Đỗ Tuấn D không tìm thấy chất ma túy.

Kết luận giám định số 339 và số 340/KL-KTHS ngày 22/01/2026 của Phòng K4 Công an thành phố H, kết luận: Xe mô tô Honda SH BKS 15B3-678.40 và xe mô tô Yamaha Jupiter BKS 15C1-096.71 có số khung, số máy là nguyên bản, không tẩy xóa, sửa chữa các ký tự.

Kết luận giám định số 312/KL-KTHS ngày 21/01/2026 của Phòng K4 Công an thành phố H giám định điện thoại OPPO màu xanh của Bùi Văn M1 và điện thoại Viettel của Đỗ Tuấn D có dữ liệu liên quan đến nội dung mua bán ma túy; điện thoại OPPO A17K của Đỗ Tuấn D không có dữ liệu liên quan đến việc bán ma túy.

Kết luận giám định số 313/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng K4 Công an thành phố H giám định điện thoại OPPO màu xanh của Đặng Hữu T có dữ liệu liên quan đến việc mua ma túy.

Vật chứng: Xe mô tô BKS 15B3-678.40, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Quang K; xe mô tô BKS 15C1-096.71 trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Tuấn A. Số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao trong bì giấy dấu niêm phong số 03MT/PC09 và bì giấy có dấu niêm phong số 04/MT-PC09; 02 điện thoại OPPO màu xanh; 01 điện thoại Viettel màu xanh; 01 điện thoại OPPO A17K màu vàng và 10.440.000 đồng, chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng quản lý.

Bản Cáo trạng số 66/CT-VKSHP-P1 ngày 03/6/2026 của Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố các bị cáo: Đỗ Tuấn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Tuấn D1, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 thống nhất khai: Đỗ Tuấn D mắc bệnh suy thận nặng, từ tháng 12/2025, D mua ma túy về để bán kiếm lời. Sáng ngày 29/12/2025, D đến đường tàu Trần Nguyên H1 mua của một người đàn ông không quen biết 3.000.000 đồng ma túy đá, về nhà chia nhỏ vào các túi nilon để bán. D đã bán ma túy vào các lần như sau: Khoảng 16 giờ ngày 30/12/2025, bán cho Nguyễn Văn K1 01 túi ma túy với giá 450.000 đồng; hơn 17 giờ cùng ngày, bán cho Bùi Văn M1 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng; đến 19 giờ cùng ngày, bán cho Đặng Hữu T 01 túi ma túy đá với giá 1.050.000 đồng. Khoảng hơn 17 giờ ngày 31/12/2025, bán cho T 01 túi ma túy đá với giá 1.950.000 đồng; đến 18 giờ cùng ngày, bán cho M1 01 túi ma túy đá với giá 500.000 đồng.

Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố đúng như hành vi đã thực hiện; loại ma túy đúng như Kết luận giám định; vật chứng của vụ án bị thu giữ đúng như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo D thừa nhận 4.250.000 đồng bị thu giữ là số tiền bị cáo dùng vào việc mua bán chất ma túy nên đồng ý sung công quỹ; bị cáo D đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K và số tiền 6.190.000 đồng vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với những chiếc điện thoại bị thu giữ khác các bị cáo đều thừa nhận dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy nên đồng ý sung công quỹ Nhà nước.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, khẳng định: Cáo trạng truy tố các bị cáo Đỗ Tuấn D, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm b, i, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Đỗ Tuấn D mức án từ 11 năm đến 11 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tổng hợp với 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù (của các bản án) được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian bị tạm giữ của các lần phạm tội.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Các bị cáo Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31/12/2025.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại: 6.190.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K màu vàng đã qua sử dụng cho bị cáo D.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 4.250.000 đồng thu giữ của bị cáo D.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh (ký hiệu A1) đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh (ký hiệu PC04-1141) đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T.

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói trong bì giấy niêm phong số 03MT/PC09 và bì giấy niêm phong số 04MT/PC09 có chữ ký của những người liên quan.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và hình phạt:

[3] Lời khai của các bị cáo Đỗ Tuấn D, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; đồng thời phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 18 giờ ngày 31/12/2025, tại xã A, thành phố Hải Phòng, Đặng Hữu T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt quả tang khi đang cất giữ trái phép trong lòng bàn tay trái 1,72 gam ma túy Methamphetamine với mục đích sử dụng. Cùng thời điểm trên địa bàn xã A, Bùi Văn M1 cũng bị bắt quả tang khi đang cất giữ trái phép phía sau ốp điện thoại 0,34 gam ma túy Methamphetamine với mục đích sử dụng. Số ma túy thu giữ của T và M1 đều mua của Đỗ Tuấn D. Kết quả điều tra, xác định trong hai ngày 30 và 31/12/2025, D đã 05 lần bán ma túy loại Methamphetamine cho T, M1 và Bùi Văn K2 với tổng số tiền là 4.250.000 đồng. Khối lượng 9,14 gam Methamphetamine thu giữ tại nơi ở của D thôn C, xã A, thành phố Hải Phòng cũng với mục đích để bị cáo bán kiếm lời.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của: Đỗ Tuấn D đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy; Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 249 và Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 là nghiêm trọng; Đỗ Tuấn D là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy; xâm phạm trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 -Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo D đã 05 lần bán ma túy cho T, M1 và Bùi Văn K2 là “Phạm tội hai lần trở lên”; ma túy bị cáo bán có khối lượng 9,14 gam là “Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 35 gam”; bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý là “Tái phạm nguy hiểm”; đây là các tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T cất giấu trái phép 1,72 gam ma túy Methamphetamine và bị cáo M1 cất giấu trái phép 0,34 gam ma túy Methamphetamine; đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo M1 có một tiền án đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Bị cáo D có một tiền án chưa được xóa án tích nhưng đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không thuộc trường hợp phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo (bị cáo T ăn năn hối cải) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung; đồng thời xử phạt các bị cáo theo mức án mà Kiểm sát viên tại phiên tòa đã đề nghị đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[8] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng) xử phạt bị cáo Đỗ Tuấn D 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ trước đó, từ ngày 08/11/2023 đến ngày 10/11/2023 vào thời gian chấp hành án). Vì vậy, sau khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đỗ Tuấn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án này, Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đều quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là

phạt tiền. Xét thấy, tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo T và M1 đều nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp và tài sản riêng; bị cáo D đang bị bệnh hiểm nghèo (tuần phải chạy thận 4 lần) nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D: Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh (ký hiệu A1) đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo M1; 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xanh (ký hiệu PC04-1141) đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T: Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc giao dịch mua bán ma túy nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 10.440.000 đồng thu giữ của bị cáo D: Trong đó 4.250.000 đồng là số tiền bị cáo dùng vào việc mua bán chất ma túy nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại là 6.190.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói trong bì giấy niêm phong số 03MT/PC09 và bì giấy niêm phong số 04MT/PC09 có chữ ký của những người liên quan: Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 15B3-678.40 cho chủ sở hữu hợp pháp anh Phạm Q; xe mô tô BKS 15C1-096.71 cho chủ sở hữu hợp pháp anh Phạm Tuấn A là đúng quy định pháp luật.

[11] Về vấn đề khác: Đối với người bán ma túy cho bị cáo D, chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau. Đối với việc Nguyễn Văn K1 mua ma túy của bị cáo D về sử dụng cùng người khác, đã bị Cơ quan điều tra khởi tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong vụ án khác. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn M1, Đặng Hữu T sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Tuấn D, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

- Căn cứ vào điểm b, i, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Đỗ Tuấn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Tuấn D 11 (Mười một) năm tù; tổng hợp với 10 (M2) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng). Buộc bị cáo Đỗ Tuấn D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 (Hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù (của các bản án) được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ (từ ngày 08/11/2023 đến ngày 10/11/2023 và từ ngày 01/01/2026 đến ngày 07/01/2026) vào thời gian chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt:

Bị cáo Đặng Hữu T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31/12/2025.

Bị cáo Bùi Văn M1 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31/12/2025.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Đỗ Tuấn D, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1.

**2. Về vật chứng:** Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại: 6.190.000 (Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A17K màu vàng đã qua sử dụng cho bị cáo Đỗ Tuấn D.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh (ký hiệu A1) đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Bùi Văn M1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đỗ Tuấn D; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh (ký hiệu PC04-1141) đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đặng Hữu T.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 4.250.000 (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Tuấn D.

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói trong bì giấy niêm phong số 03MT/PC09 và bì giấy niêm phong số 04MT/PC09 có chữ ký của những người liên quan.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/6/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0002358 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, buộc Đỗ Tuấn D, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Đỗ Tuấn D, Đặng Hữu T và Bùi Văn M1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1-CATP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Cơ quan THAHS-CATP Hải Phòng (PC10);
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Tùng**

Tại phiên toà Kiểm sát viên trình bày ý kiến bổ sung cáo trạng: Tại Quyết định tách vụ án số 14570/QĐ-CSHS (Đ3) ngày 06/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tách hành vi Bùi Hữu L2 trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Q1 nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Văn Đ   Đoàn Văn N1**

**Nguyễn Thanh Tùng**









**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thế Sự    Đỗ Thị Viện**

**Nguyễn Thanh Tùng**

cho bị cáo được hưởng án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có tình cảm nam nữ, việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai bên. Tuy nhiên, bị hại là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục tự nguyện này là trái pháp luật và bị nghiêm cấm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.